

## Sự hình thành tư tưởng về mô hình nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa

Trần Trọng Thơ\*

**Tóm tắt:** Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là thành quả trực tiếp của Cách mạng tháng Tám năm 1945, đồng thời là hệ quả của quá trình phát triển tư duy lý luận về nhà nước và sự chuẩn bị lâu dài, sáng tạo của Hồ Chí Minh và của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ những ý niệm đầu tiên, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã từng bước, định hình mô hình nhà nước dân chủ cộng hòa phù hợp với đặc điểm Việt Nam. Mô hình nhà nước đó là một động lực để các tầng lớp nhân dân đoàn kết đấu tranh, tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi vào mùa thu năm 1945. Hình thành từ cuộc cách mạng do nhân dân tiến hành, do nhân dân xây dựng và bảo vệ, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trở thành nhân tố trung tâm tập hợp và quy tụ các nguồn lực sức mạnh của toàn dân tộc, là “lợi khí” để nhân dân Việt Nam giành những thắng lợi vẻ vang trên những chặng đường lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

**Từ khóa:** Nhà nước; Việt Nam; dân chủ; cộng hòa; Cách mạng tháng Tám; Hồ Chí Minh; Đảng cộng sản Việt Nam.

### 1. Mở đầu

Một trong những thành tựu vĩ đại của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là thành lập Nhà nước Việt Nam mới - Nhà nước cộng hòa, dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Châu Á do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Tư tưởng của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về mô hình nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được hình thành trên cơ sở kế thừa những giá trị của nhân loại về tư tưởng dân chủ, dân quyền, nhà nước pháp quyền, thấm nhuần sâu sắc quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin “Vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền nhà nước” [1, tr.13], thấu hiểu những giá trị đặc trưng của văn hoá Việt Nam là chủ nghĩa yêu nước và tinh thần cố kết cộng đồng, phát huy những tinh

hoa về định chế cổ truyền chế độ tự quản của cộng đồng làng xã, “nhà nước thân dân” trong lịch sử dân tộc.

### 2. Từ ý niệm đầu tiên đến định hướng về nhà nước dân chủ

Hồ Chí Minh đã kế thừa những giá trị của nhân loại về tư tưởng dân chủ, dân quyền, nhà nước pháp quyền để nghiên cứu, hình thành những ý niệm rồi tiến tới xác lập định hướng về mô hình nhà nước cộng hòa dân chủ ở Việt Nam.

Từ những ý niệm đầu tiên về mô hình nhà nước pháp quyền được thể hiện trong “Bản yêu sách của Dân An Nam” (1919), “Bản án chế độ thực dân Pháp” (1925),

---

(\*) Phó giáo sư, tiến sĩ. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. ĐT: 0982624871.  
Email: trantrongthovlsd@yahoo.com.vn.

“Nhời hô hoán cùng Vạn Quốc hội” (1926) (bản này ký tên cùng Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh), đến tác phẩm “Đường cách mệnh” (1927), Hồ Chí Minh đã bước đầu định hướng về mô hình nhà nước của nhân dân Việt Nam sau ngày giành độc lập, mà bản chất là quyền lực nhà nước phải thuộc về nhân dân. Người viết: “chúng ta hy sinh làm cách mệnh thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cho cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc” [2, tr.27].

Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên và Chương trình tóm tắt được thông qua tại Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng đầu năm 1930, dưới sự chủ trì của Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam (trong lịch sử xây dựng và trưởng thành, Đảng nhiều lần đổi tên, để tiện trình bày, chúng tôi dùng tên gọi hiện nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) đã chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng, đánh đổ đế quốc Pháp và phong kiến, “Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập”, dựng ra Chính phủ công nông binh [2, tr.2]. Cơ sở xã hội của Chính phủ công nông binh không chỉ là thợ thuyền, dân cày, binh lính mà còn bao gồm các tầng lớp tiểu tư sản, trí thức, trung nông, phú nông, tư sản. Nội dung các chính sách cách mạng đề cập đến những vấn đề dân chủ căn bản. Mô hình nhà nước “của dân chúng số nhiều” được bổ sung thêm nội hàm dân tộc, được xây dựng cơ sở “*nước Nam được hoàn toàn độc lập*” [2, tr.2] (tác giả nhấn mạnh).

Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, trước sự tồn vong của vận mệnh dân tộc, Đảng

quyết định “thay đổi chiến lược cách mạng” [2, tr.118], đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng cấp bách, trước tiên của cách mạng Đông Dương. Cùng với những chuyển biến trong nhận thức ngày càng sâu sắc về vấn đề dân tộc, vấn đề đại đoàn kết dân tộc, sự chuyển hướng mục tiêu trước mắt, thay đổi phương pháp vận động cách mạng nhằm khơi dậy và nhân lên sức mạnh của cả dân tộc, thành lập mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, Đảng quyết định chuyển mô hình chính quyền công nông binh, chính quyền của dân chúng số nhiều sang mô hình chính quyền của toàn dân tộc, rút khẩu hiệu “Chính phủ công nông binh” là “hình thức Chính phủ riêng của dân chúng lao động” đưa ra khẩu hiệu thành lập Chính phủ cộng hòa dân chủ, là “hình thức chính phủ chung cho tất cả các tầng lớp dân chúng trong xứ và trong phong trào giải phóng dân tộc” [2, tr.539]. Nghị quyết Hội nghị lần thứ VIII Ban Chấp hành Trung ương Đảng (năm 1941) nêu rõ: “Sau lúc đánh đuổi được Pháp - Nhật sẽ thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới theo tinh thần dân chủ. Chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của của một giai cấp nào mà là của chung cả toàn thể dân tộc, chỉ trừ có bọn tay sai đế quốc Pháp - Nhật và những bọn phản quốc (...), còn ai là người dân sống trên dải đất Việt Nam thảy đều được một phần tham gia giữ chính quyền, phải có phần nhiệm vụ giữ lấy và bảo vệ chính quyền ấy” [2, tr.114]. Chương trình Việt Minh do Hội nghị ban hành, ghi rõ: “Sau khi đánh đuổi được đế quốc Pháp, Nhật, sẽ thành lập một chính phủ nhân dân của Việt Nam dân chủ cộng hòa lấy lá cờ đỏ ngôi sao năm

cánh làm cờ toàn quốc. Chính phủ ấy do quốc dân đại hội cử ra” [2, tr.1150].

Bản chất và cách thức thành lập nhà nước mới được thể hiện trong Nghị quyết của Đảng, trong Chương trình của Mặt trận Việt Minh chứa đựng tinh thần dân chủ và nhân dân sâu sắc. Đến đây, những định hướng về mô hình nhà nước ở Việt Nam đã rõ nét.

### **3. Định hình mô hình nhà nước dân chủ nhân dân ở Việt Nam**

Trên cơ sở định hướng đó, với tinh thần tích cực, nhạy bén, chủ động trước sự chuyển biến của tình hình trong nước và thế giới, Đảng đã từng bước định hình mô hình nhà nước dân chủ nhân dân với những cấp độ từ thấp lên cao.

Tháng 10 năm 1944, Hồ Chí Minh từ nước ngoài trở về, cùng với việc ra những chỉ thị quan trọng như hoãn cuộc khởi nghĩa chưa chín muồi ở Vũ Nhai do Liên Tỉnh ủy Cao Bắc Lạng chủ trương; thành lập đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân,... Người đã kêu gọi đồng bào cả nước cùng nhau chuẩn bị cuộc Toàn quốc đại biểu Đại hội gồm tất cả các đảng phái cách mạng và các đoàn thể ái quốc trong nước vào năm 1944, để cử ra một “cơ cấu đại biểu cho sự chân thành đoàn kết và nhất trí của toàn thể quốc dân”, có “đủ lực lượng và oai tín, trong thì lãnh đạo công việc cứu quốc, kiến quốc, ngoài thì giao thiệp với các hữu bang” [3, tr.505]. Do những điều kiện chủ quan và khách quan nhất định, chủ trương triệu tập Quốc dân Đại hội trong năm 1944 không thực hiện được.

Tháng 3 năm 1945, sau khi Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng kịp thời phát động một cao trào

kháng Nhật cứu quốc rộng rãi, làm tiền đề cho Tổng khởi nghĩa. Bên cạnh việc tổ chức và lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh chiến tranh du kích, khởi nghĩa từng phần, mở rộng căn cứ địa, phát triển các chiến khu, Trung ương Đảng đặt nhiệm vụ “thành lập Ủy ban Nhân dân cách mạng Việt Nam theo hình thức Chính phủ lâm thời Cách mạng Việt Nam” vào hàng những công việc cần kíp [2, tr.371].

Ngày 16 tháng 4 năm 1945, Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị về việc gấp rút tổ chức Ủy ban Dân tộc giải phóng (trong Văn kiện Đảng thời gian này, tên gọi “Ủy ban Dân tộc giải phóng” và “Ủy ban Giải phóng dân tộc” cùng đồng thời được sử dụng. Để thống nhất, trong bài viết này, chúng tôi dùng tên gọi: “Ủy ban Dân tộc giải phóng”) “là hình thức tiền chính phủ, trong đó, nhân dân học tập để tiến lên giữ chính quyền cách mạng” [2, tr.535]. Cùng thời gian này, Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ họp tại Hiệp Hòa (Bắc Giang) đã đề nghị triệu tập một cuộc đại biểu đại hội gồm các giới, các đảng phái, các thân sĩ toàn quốc để “thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam và tiến tới thành lập Chính phủ lâm thời Việt Nam” [2, tr.396].

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Mặt trận Việt Minh, ở nhiều địa phương trên cả nước, nhất là tại Việt Bắc, các Ủy ban nhân dân cách mạng lần lượt được thành lập trong những xã, tổng, huyện, châu diễn ra khởi nghĩa từng phần, thực thi Mười chính sách của Mặt trận Việt Minh. Tháng 6 năm 1945, Ủy ban Lâm thời khu Giải phóng Việt Bắc thành lập. Trong quá trình đó, hình thức chính quyền dân chủ trực tiếp tiến dần lên dân chủ đại diện. Đại hội nhân dân

phát triển thành Đại hội đại biểu nhân dân và cử ra Ủy ban nhân dân làm nhiệm vụ quản lý và chịu trách nhiệm trước Đại hội đại biểu. Đồng thời, Đảng xúc tiến khẩn trương triệu tập một Đại hội quốc dân để bầu ra Ủy ban Dân tộc giải phóng cho cả nước, tức Chính phủ lâm thời.

Trong điều kiện Tổng khởi nghĩa đang chín muồi, Hồ Chí Minh từ Cao Bằng về Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang) để lãnh đạo nhân dân cả nước chuẩn bị chớp thời cơ vùng lên giành độc lập dân tộc. Tại đây, Người đã gấp rút tiến hành những công việc thiết yếu để tổ chức Đại hội Đại biểu quốc dân, lập Ủy ban Dân tộc giải phóng.

Bằng sự chỉ đạo sát sao, tích cực của Hồ Chí Minh, của Đảng, sự nỗ lực phấn đấu, tinh thần cách mạng của các đại biểu, ngày 16 tháng 8 năm 1945, Quốc dân Đại hội khai mạc tại Tân Trào.

Là một cơ cấu liên hiệp chính trị của toàn dân được tổ chức lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, với hơn 60 đại biểu đại diện cho hai mươi lăm triệu nhân dân Việt Nam, thuộc mọi thành phần dân tộc, tôn giáo, giai cấp, đảng phái và cả kiều bào ở nước ngoài tham dự, Quốc dân Đại hội mang tầm vóc một cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, là một cơ chế “tiền Quốc hội”. Những quyết định do Đại hội thông qua vừa mang tính sống còn của dân tộc, đồng thời mang giá trị pháp lý vững chắc và sâu sắc.

Đại hội nhất trí chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa của Đảng, giao toàn quyền lãnh đạo khởi nghĩa cho Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc do Trung ương Đảng thành lập ngày 13 tháng 8 năm 1945. Đây là những quyết định mang tính pháp lý, khẳng định tính chính danh về vai trò lãnh đạo khởi

ngiã của Đảng, tính chính đáng của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa sau ngày thành lập.

Đại hội ra Nghị quyết thông qua Mười chính sách của Mặt trận Việt minh có ý nghĩa như một “Hiến pháp lâm thời”, mang những nội dung dân tộc hết sức sâu sắc và hàm chứa những nội dung dân chủ rộng rãi. Nghị quyết khẳng định: “Giành lấy chính quyền, xây dựng một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên nền tảng hoàn toàn độc lập (...) Ban bố những quyền của dân cho dân. - Nhân quyền, - Tài quyền (quyền sở hữu), - Dân quyền: quyền phổ thông đầu phiếu, quyền tự do dân chủ (tự do tín ngưỡng, tự do tư tưởng, ngôn luận, hội họp, đi lại), dân tộc bình quyền, nam nữ bình quyền” [2, tr.559 - 560]. Có thể thấy những đặc trưng cơ bản: độc lập, chủ quyền, thống nhất của một quốc gia độc lập hoàn toàn theo đúng những nguyên tắc dân tộc bình đẳng, dân tộc tự quyết đã được xác lập. Mười chính sách của Mặt trận Việt Minh do Đại hội thông qua là cơ sở để Chủ tịch Hồ Chí Minh xây dựng và công bố Tuyên ngôn độc lập ngày mùng 2 tháng 9 năm 1945 và là cơ sở để xây dựng Hiến pháp năm 1946 (sắc lệnh số 14 - SL của Chính phủ lâm thời do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành ngày 8 tháng 9 năm 1945 về cuộc Tổng tuyển cử nêu rõ: “Chiều theo Nghị quyết của Quốc dân đại biểu Đại hội họp ngày 16, 17 tháng năm 8 năm 1945, tại Khu giải phóng, ấn định rằng nước Việt Nam sẽ theo chính thể dân chủ cộng hòa và Chính phủ nhân dân toàn quốc sẽ do một Quốc dân đại hội bầu theo lối phổ thông đầu phiếu cử lên”).

Đại hội đã cử ra Ủy ban Dân tộc giải

phóng Việt Nam, tức Chính phủ lâm thời gồm 15 thành viên, do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, Trần Huy Liệu - Phó chủ tịch và các ủy viên. Ủy ban Dân tộc giải phóng được trao sứ mệnh “Đề lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc giải phóng (...) thắng lợi”, “thay mặt quốc dân mà giao thiệp với các nước ngoài và chủ trì mọi công việc trong nước” [2, tr.560 - 561].

Đáp lại sự tin nhiệm của toàn thể quốc dân đại biểu, sáng ngày 17 tháng 8 năm 1945, Ủy ban Dân tộc giải phóng ra mắt quốc dân tại đình Tân Trào. Hướng lên lá cờ đỏ sao vàng, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Ủy ban Dân tộc giải phóng đọc lời tuyên thệ: “nguyện kiên quyết lãnh đạo nhân dân tiến lên, ra sức chiến đấu chống quân thù, giành lại độc lập cho Tổ quốc. Dù phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, quyết không lùi bước” [4].

Sau khi thành lập, Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam ra lời hiệu triệu tới toàn thể nhân dân và các đoàn thể cứu quốc. Hiệu triệu thông báo: Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam đã ra đời, đáp ứng mong đợi của toàn thể đồng bào về “một chính phủ quốc dân có đủ uy tín và thực lực”. Ủy ban gồm những người xứng đáng nhất trong các đoàn thể cứu quốc, là cơ quan lãnh đạo tối cao của quốc gia để hành động cho kịp thời với sự chuyển biến rất mau lẹ của tình hình, “sẽ thay mặt quốc dân Việt Nam và dựa trên thực lực của quốc dân để tranh lấy sự đồng tình của các nước Đồng minh dân chủ” [2, tr.562 - 563].

Trong thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa, Hồ Chí Minh chỉ rõ: sự ra đời Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam đóng vai trò như Chính phủ lâm thời “là một tiến bộ rất lớn trong

lịch sử đấu tranh giải phóng của dân tộc ta từ ngót một thế kỷ nay” [2, tr.553 - 554].

Là cơ cấu đại diện cho toàn thể quốc dân, ra đời ngay tại thời điểm dân tộc ta vùng lên đánh đổ chính quyền phát xít, tay sai, Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam có sức thu hút lớn, củng cố và nhân lên lòng tin của quần chúng vào Mặt trận Việt Minh, là cơ sở để hội tụ khối đại đoàn kết của toàn dân tộc trong giờ phút đấu tranh quyết liệt với kẻ thù; góp phần đẩy Chính phủ do phát xít Nhật lập ra vào thế cô lập và tan rã.

Là cơ cấu đại diện cho toàn dân tộc, Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam ra đời đã tạo thêm vị thế cho Mặt trận Việt Minh, cho nhân dân Việt Nam trong quan hệ với Đồng minh, đón tiếp quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật với tư cách người làm chủ đồng thời, làm thất bại những âm mưu và cuồng vọng của các thế lực nước ngoài nhằm nhe chiếm Việt Nam, áp đặt sự nô dịch mới lên nhân dân ta. Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam đóng một vai trò rất quan trọng trong thắng lợi của Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, tạo cơ sở trực tiếp cho sự ra đời của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Với việc ra đời của Ủy ban Dân tộc giải phóng, đông đảo quần chúng nhân dân cùng ý thức được vai trò lịch sử của mình, càng quyết tâm bảo vệ Chính phủ do chính mình tạo dựng bằng bất cứ giá nào.

Có thể thấy, đến Quốc dân Đại hội Tân Trào, mô hình nhà nước dân chủ nhân dân đã được định hình từ cơ sở đến cấp Trung ương. Cùng với Quốc dân Đại hội - một cơ chế mang tính chất “tiền Quốc hội”, Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam đặt cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn cho một thể chế

chính trị của chế độ cộng hòa, dân chủ sắp ra đời.

#### **4. Nhà nước dân chủ nhân dân Việt Nam ra đời**

Ngày 26 tháng 8 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập và chủ tọa phiên họp của Ban Thường vụ Trung ương Đảng để bàn những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước cách mạng. Hồ Chí Minh nhất trí với chủ trương của Ban Thường vụ Trung ương Đảng mở rộng thành phần Ủy ban Dân tộc giải phóng và sớm công bố danh sách của Ủy ban cho toàn dân biết.

Ngày 27 tháng 8 năm 1945, tại cuộc họp tổ chức ở Hà Nội, theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam do Quốc dân Đại hội (Tân Trào) bầu ra tự cải tổ thành Chính phủ cách mạng lâm thời, nhằm đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, các đảng yêu nước và những nhân sĩ tiến bộ. Một số uỷ viên Việt Minh tự nguyện rút khỏi Chính phủ để nhường chỗ cho các thành phần khác, có cả những người đã từng tham gia trong chính quyền cũ. Hành động đó được Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá: “Đó là một cử chỉ vô tư, tốt đẹp, không ham chuộng địa vị, đặt lợi ích của dân tộc, của đoàn kết toàn dân lên trên lợi ích cá nhân” [2, tr.160].

Ngày 28 tháng 8 năm 1945, danh sách Chính phủ gồm 15 thành viên được công bố trên các báo ở Hà Nội. Ngày mùng 2 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời công bố Tuyên ngôn độc lập chính thức tuyên bố nền độc lập của Việt Nam; xác lập Nhà nước Việt Nam mới được thành lập theo chế độ dân chủ cộng hoà. Cùng với Nghị quyết của Quốc dân Đại hội Tân Trào trước đó, Tuyên

ngôn độc lập tạo nên bộ văn bản pháp lý mang tính chất một bộ luật gốc của nhà nước dân chủ nhân dân, là cương lĩnh về quyền tự do dân chủ của nhân dân, đặt cơ sở pháp lý để củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng các thiết chế nhà nước và hệ thống pháp luật của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Trên tinh thần của Tuyên ngôn độc lập, trong khi từng bước hoàn thiện các thiết chế nhà nước, Chính phủ lâm thời giữ trọng trách chỉ đạo quốc gia thống nhất và quản lý đất nước, thực hiện các quyền năng pháp lý, là nhân tố cực kỳ quan trọng để Đảng và nhân dân ta vượt qua muôn vàn thử thách, giành những thắng lợi lớn lao trong bối cảnh thế nước chông chênh bởi di họa của chế độ thuộc địa, bởi nạn thù trong, giặc ngoài.

Hiện thực lịch sử cho thấy, sự ra đời của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là thành quả trực tiếp của Cách mạng tháng Tám năm 1945; đồng thời là hệ quả của quá trình phát triển tư duy lý luận về nhà nước của Hồ Chí Minh và của Đảng (từ những ý niệm đầu tiên, đến những định hướng, định hình về mô hình nhà nước dân chủ nhân dân); là kết quả của sự kết hợp giữa chủ trương, đường lối của Đảng với sự lớn mạnh của phong trào cách mạng, với khát vọng độc lập, tự do, dân chủ cháy bỏng của nhân dân.

Sự ra đời của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã góp phần phát triển lý luận về nhà nước kiểu mới phù hợp với đặc điểm Phương Đông do giai cấp vô sản lãnh đạo.

#### **5. Kết luận**

Là kết quả của Cách mạng tháng Tám năm 1945, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trở thành nhân tố trung tâm tập

hợp và quy tụ các nguồn lực sức mạnh của toàn dân tộc, là “lợi khí” để nhân dân Việt Nam giành những thắng lợi về vang trên những chặng đường lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong công cuộc xây dựng đất nước theo đường lối đổi mới của Đảng, Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam tiếp tục được Đảng và nhân dân xây dựng theo hướng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước đã có những thành tựu to lớn nhưng cũng còn không ít những hạn chế và bất cập, điều này đã và đang đặt ra những yêu cầu mới đối với nhiệm vụ xây dựng Nhà nước. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng chủ trương đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà nội dung chủ yếu là hướng về phục vụ nhân dân, phụng sự dân tộc. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) do Đại hội thông qua, xác định: “Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân ta mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo (...) Nhà nước phục vụ nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân (...) nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân” [5, tr.85 - 86].

Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ

nghĩa Việt Nam công bố năm 2013 ghi rõ: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân,... Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện” [6].

Những nội dung ghi trong Cương lĩnh chính trị của Đảng, trong Hiến pháp năm 2013 phù hợp với Việt Nam và xu thế của thế giới, là nền tảng để xây dựng Nhà nước trong bối cảnh mới. Đây cũng chính là sự tiếp nối và hiện thực hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền, sự kế thừa, phát triển những giá trị và mô hình nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] V.I. Lênin (1959), *Tuyển tập*, quyển 2, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Lương Bằng (1975), *Những lần gặp Bác* trong *Bác Hồ* (Hồi ký), Nxb Văn học, Hà Nội.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn).

